

Bản án số: 78/2020/HS-PT

Ngày 29 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Văn Thành

Ông Nguyễn Đăng Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tiệp Anh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 949/2020/HSPT ngày 25/11/2020 đối với bị cáo Nguyễn Đức H do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2020/HSST ngày 21/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Th, thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo bị kháng cáo:** Nguyễn Đức H (tên gọi khác không), sinh năm 1990; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú xóm An Lạc, thôn Đàn Viên, xã C, huyện Th, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay xóm An Lạc, thôn Đàn Viên, xã C, huyện Th, thành phố Hà Nội; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá 8/12; con ông Nguyễn Đức Q, sinh năm 1954 và bà Lê Thị H, sinh năm 1962; vợ Lưu Thị Ph; sinh năm 1990 và có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự không; Nhân thân:

+ Năm 2010 bị Toà án nhân dân huyện Th xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, đã được xoá án tích.

+ Ngày 30/8/2012 bị Công an quận H, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây mất trật tự trên đường phố.

+ Năm 2014 bị Toà án nhân dân quận H xử phạt 12 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản, đã được xoá án tích.

+ Ngày 05/8/2020, Công an huyện Th xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Hủy hoại tài sản của người khác”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt.

*** Người bị hại có kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991; trú tại thôn Đàn Viên, xã C, huyện Th, Thành phố Hà Nội – có mặt.

*** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại:**

Ông Nguyễn Đức Hùng, là Luật sư thuộc Công ty luật THHH TGS, đoàn luật sư Thành phố Hà Nội – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Th và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Th, Hà Nội thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 12/3/2020, Nguyễn Đức H sinh năm 1990, trú tại xóm An Lạc, thôn Đàn Viên, xã C, huyện Th, thành phố Hà Nội, có thuê anh Nguyễn Văn U sinh năm 1996, trú tại thôn Bãi, xã C, huyện Th, thành phố Hà Nội đến lắp đặt camera an ninh ở khu vực ngôi nhà cấp 4 thuộc khu đất giáp ranh đầm 12 mẫu, đường Bờ Đắp, thôn Đàn Viên, xã C. Do không đồng ý việc gia đình H sửa chữa nhà, xây dựng trên đất công và lắp camera hướng về phía nhà chị Nguyễn Thị Th sinh năm 1991, ở cùng thôn, nên Th và anh trai là Nguyễn Văn Tr sinh năm 1989 sang ngăn cản việc lắp camera ở căn nhà cấp 4. Thấy vậy, H đi ra thì hai bên xảy ra cãi chửi nhau, Th, Tr xô đẩy H, Ước, Nguyễn Đức L sinh năm 1992 (*em trai H*) về phía lối đi của căn nhà cấp 4. Th quay lại kéo sợi dây cáp tín H camera phía trên mái nhà xuống, mục đích để trả lại H, nhưng sợi dây bị mắc kẹt không kéo được. Sau đó, Th ném 01 chiếc máy khoan, đồ dùng lắp camera về phía H, L, U đứng, nhưng không trúng ai. Hai bên tiếp tục xô đẩy nhau về phía lối đi của căn nhà. Lúc này, Th có nhặt các

cành cây, cành củi khô ở gần lối đi của gia đình Th rào lại lối đi của căn nhà cấp 4. Thấy vậy, H nhặt lại các cành cây, ném về phía Th, trong đó có 01 cành cây ba chạc trúng vùng trán phải của Th, khiến Th bị rách da chảy máu. Lúc này, Nguyễn Văn Tr sinh năm 1979 (*anh trai Th*) đi về thấy Th bị thương, nên Trường đi về phía H, hai bên xảy ra cãi nhau. Cùng lúc này, Trường có nằm xuống đất khu vực đầu lối đi của căn nhà cấp 4, Nguyễn Văn H sinh năm 1988 (*anh trai H*) đi đến thấy vậy có yêu cầu Trường đứng dậy đi về nhưng Tr vẫn nằm, không đứng dậy. Lúc này, Hoà đứng gần sát chân trái của Tr vạch quần và đái lên chân trái của Tr. Một phút sau thì Công an xã C đến, yêu cầu anh Tr cùng gia đình đi về nhà.

Hậu quả:

- Chị Th bị 1 vết thương ở vùng trán phải, phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Th từ ngày 12/3/2020 đến ngày 18/3/2020 ra viện.

- H bị mất 01 mắt camera CVI 2.0 56DOT-IR màu trắng hình trụ khối có chân quay phía đuôi camera và bị hư hỏng 15,12 mét dây cáp tín H camera.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 2136/C09-TT1 ngày 29/4/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

“Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của chị Nguyễn Thị Th như sau:

Đối chiếu Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, áp dụng Nguyên tắc 2 và Mục I.1, Chương 8, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể cho sẹo tại vùng trán phải, không ảnh hưởng chức năng của chị Nguyễn Thị Th tại thời điểm giám định là: 03% (ba phần trăm).

Cơ chế hình thành thương tích:

Thương tích tại trán phải của chị Nguyễn Thị Th do vật tày gây nên.”

Ngày 11/5/2020, chị Th có đơn yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 37 KL/ĐGTS ngày 10/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản Trong tổ tụng hình sự - UBND huyện Th, định giá tài sản tại thời điểm ngày 12/3/2020 như sau:

Phần hư hại chân cắm của dây tín H camera thiệt hại là 15.000 đồng (Mười lăm ngàn đồng).

Định giá trên hồ sơ của chiếc mắt Camera theo hoá đơn bán hàng. Giá trị là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Chị Th yêu cầu H phải bồi thường thiệt hại do sức khoẻ bị xâm hại, số tiền 83.000.000 đồng (Tám mươi ba triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án, Bị cáo H đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Th số tiền là 5.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2020/HSST ngày 21/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Th đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “ *Cố ý gây thương tích*”

Áp dụng Điểm a, khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015, điểm b, s Khoản 1; 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Nguyễn Đức H: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức H cho Ủy ban nhân dân xã C giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 590, 357, 468 BLDS.

Buộc Nguyễn Đức H phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Th tổng số tiền là 24.540.000đồng, đã bồi thường 5.000.000đ (Thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0003737 ngày 20/10/2020 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Th) số tiền còn phải bồi thường là: 19.540.000đ (Mười chín triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/10/2020 , bị hại chị Nguyễn Thị Th kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt, không cho bị cáo được hưởng án treo và tăng bồi thường, buộc bị cáo bồi thường số tiền 83.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn nhận tội như bản án sơ thẩm đã quy kết.

Bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, kết luận giám định thương tích và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của bị hại, thấy: Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo có một phần lỗi của bị hại đã có hành vi cản trở bị cáo lắp camera, nhặt cành cây rào lại lối đi của nhà bị cáo dẫn đến việc bị cáo nhặt lại cành cây ném về phía bị hại, trong đó có cành cây ba chạc trúng vào vùng trán của bị hại dẫn đến thương tích của bị hại; hành vi phạm tội có mức độ, gây thương tích cho bị hại 3%; tuy bị cáo có 01 tiền sự và 02 tiền án nhưng đã được xóa án tích; sau khi phạm tội, bị cáo đã khắc phục bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại (nộp tiền bồi thường 5.000.000 đồng); quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại theo quyết định của bản án sơ thẩm, điều đó thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ hình trách nhiệm hình sự, xét thấy mức án 9 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử phạt đối với bị cáo là nghiêm khắc. Do đó, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo của bị hại. Tuy nhiên, xét nhân thân bị cáo xấu (nhân thân bị cáo có 02 tiền án đã được xóa, 01 tiền sự đã hết H lực); sau khi phạm tội, bị cáo tiếp tục có hành vi hủy hoại tài sản và đã bị Công an huyện Th xử phạt hành chính về hành vi “Hủy hoại tài sản của người khác”. Theo quy định của pháp luật, bị cáo không đủ điều

kiện để được hưởng án treo. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị hại không cho bị cáo được hưởng án treo.

Xét yêu cầu tăng bồi thường của bị hại, thấy: Bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các khoản bị cáo phải bồi thường theo quy định của pháp luật, mức bồi thường là phù hợp, không có cơ sở chấp nhận tăng bồi thường đối với bị cáo của bị hại.

Từ phân tích trên, đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, xử phạt bị cáo mức án từ 3 đến 5 tháng tù.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo, luật sư không tranh luận gì, chỉ đề nghị xem xét việc bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo là không đúng quy định của pháp luật, cụ thể: Bị cáo có hai tiền án và 01 tiền sự mặc dù đã được xóa nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu; sau khi phạm tội, ngày 24/3/2020, bị cáo tiếp tục có hành vi vi phạm hành chính và đã bị Công an huyện Th xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý hủy hoại tài sản của người khác”. Với tình tiết trên thì theo quy định của pháp luật thì bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị hại buộc bị cáo phải bồi thường chi bị hại tổng số tiền 83.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của bị hại trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, lời khai của những người liên quan, kết luận giám định thương tích và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 12/3/2020, tại khu vực ngôi nhà cấp 4 thuộc khu đất giáp ranh đầm 12 mẫu, đường Bờ Đắp, thôn Đàn Viên, xã C, huyện Th, thành phố Hà Nội. Do

không đồng ý việc Nguyễn Đức H sửa chữa nhà, xây dựng trên đất công và lắp camera hướng về phía nhà chị Nguyễn Thị Th nên hai bên xảy ra cãi chửi và xô đẩy nhau. Do chị Th dùng cành cây rào lại ngõ của nhà H nên H đã nhặt 01 cành cây ba chạc do chị Th rào ngõ là hung khí nguy hiểm ném 01 phát trúng vào vùng trán phải của chị Nguyễn Thị Th gây thương tích. Hậu quả chị Th bị tổn hại sức khỏe là 03%. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng.

Xét kháng cáo tăng hình phạt và không cho bị cáo được hưởng án treo của bị hại, thấy: Xuất phát từ hành vi của bị hại chị Nguyễn Thị Th ngăn cản không cho bị cáo lắp camera và nhặt cành cây rào lại lối đi của nhà bị cáo nên dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Như vậy, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo có một phần lỗi của bị hại; bị cáo phạm tội có mức độ, gây thương tích cho bị hại 3% sức khỏe; sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; tại cấp phúc thẩm, bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại theo quyết định của bản án sơ thẩm điều đó thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo xét thấy mức án 9 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân xấu, có 2 tiền án (đã được xóa án tích) và 01 tiền sự đã ngoài thời H; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đối với bị hại, ngày 24/3/2020, bị cáo lại có hành vi vi phạm hành chính và đã bị Công an huyện Th xử phạt hành chính về hành vi “Hủy hoại tài sản của người khác”. Theo quy định của pháp luật, bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị hại không cho bị cáo được hưởng án treo.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị hại về tăng mức bồi thường, thấy: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, theo quy định của pháp luật, xét thấy bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại về các khoản chi phí cho việc cứu chữa, tiền thu nhập bị mất của bị hại trong thời gian điều trị, thu

nhập của người chăm sóc bị hại trong thời gian nằm viện, tiền bồi dưỡng sức khỏe tổng cộng là 22.540.000 đồng là phù hợp, riêng khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần 2.000.000 đồng là có phần thấp, vì bị cáo gây thương tích cho bị hại ở vùng mặt, ít nhiều ảnh đến tâm lý của bị hại trong thời gian vết thương chưa khỏi, cần chấp nhận kháng cáo tăng bồi thường của bị hại ở khoản bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần, cụ thể tăng lên mức bồi thường 5 tháng lương tối thiểu, cụ thể buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại về khoản bồi thường tổn hại về tinh thần là 7.450.000 đồng (1.490.000đồng/tháng x 5 tháng). Tổng cộng bị cáo phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền là 29.990.000 đồng, xác nhận bị cáo đã bồi thường 24.540.000 đồng (thể hiện bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th theo các Biên lai thu tiền số 0003737 ngày 20/10/2020 và Biên lai thu tiền số Biên lai thu tiền số 0003742 ngày 26/10/2020 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Th), số tiền còn lại buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 5.450.000 đồng.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận bị cáo đã nộp 970.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, Hà Nội theo Biên lai thu tiền số 0003743 ngày 26/10/2020.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có H lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại, sửa bản án hình sự sơ thẩm, xử:

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

[2]. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 590, 357, 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức H phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Th tổng số tiền là 29.990.000đồng, đã bồi thường 24.540.000 đ (Thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0003737 ngày 20/10/2020 và Biên lai thu tiền số 0003742 ngày 26/10/2020 của cơ quan Thi hành án dân sự huyện Th, Hà Nội) số tiền bị cáo còn phải bồi thường là 5.450.000đ (năm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên mà bên phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, nếu có thỏa thuận về lãi chậm trả thì tính theo thỏa thuận đó nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì tính theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Quyết định thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 23, 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Đức H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm, nhưng phải nộp 272.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Đức H đã nộp 970.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, Hà Nội theo Biên lai thu tiền số 0003743 ngày 26/10/2020.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có H lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có H lực pháp luật kể từ ngày 29/01/2021.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Th, HN
- Công an huyện Th, HN
- TAND huyện Th, HN
- Chi cục THADS huyện Th, HN
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- UBND nơi bị cáo cư trú (thay cho thông báo KQXX)
- Lưu trữ, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Quang